

HỘI ĐỒNG GPMB HUYỆN BỐ TRẠCH



**BÁO CÁO TÓM TẮT
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

DỰ ÁN:

**KHU TÁI ĐỊNH CƯ KHU VỰC THÔN PHÚ HỮU, THÔN TÂN HỘI, XÃ
LIÊN TRẠCH**

ĐỊA ĐIỂM:

XÃ LIÊN TRẠCH, HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

**CHỦ ĐẦU TƯ
HỘI ĐỒNG GPMB HUYỆN BỐ TRẠCH
CHỦ TỊCH**

Quảng Bình, tháng 06/2023

MỞ ĐẦU

1. Xuất xứ của dự án:

1.1. Thông tin chung của dự án

Huyện Bố Trạch có diện tích tự nhiên 2.124,2 km², địa hình đa dạng với đồng bằng, miền núi, trung du và ven biển, trải rộng từ Tây sang Đông với toàn bộ chiều ngang trong bản đồ Việt Nam; vừa tiếp giáp với biển Đông vừa tiếp giáp đường biên giới giữa Việt Nam và Lào; phía Nam giáp thành phố Đồng Hới, phía Bắc giáp thị xã Ba Đồn và huyện Quảng Trạch.

Xã Liên Trạch là xã nằm ở phía Bắc của huyện Bố Trạch. xã Liên Trạch nằm tiếp giáp các xã Hạ Trạch ở phía Đông, xã Lâm Trạch và Phúc Trạch ở phía Tây, xã Quảng Minh và Mỹ Trạch ở phía Bắc. Phía Nam giáp xã Liên Trạch và Hưng Trạch. Xã Liên Trạch có diện tích 27,81km². Ngành sản xuất chính là nông nghiệp, lâm nghiệp và đặc biệt là phát triển du lịch.

Hệ thống giao thông đầu tư không đồng bộ, mặt cắt ngang chủ yếu 4,0-:-5,0m. Tuy mạng lưới giao thông đã được hình thành sẵn nhưng về cơ bản đã được đầu tư xây dựng khá lâu khi mà số dân và lưu lượng xe cộ thấp hơn nhiều so với hiện nay. Nhiều năm qua cùng với sự quan tâm của Chính phủ, tỉnh, huyện và xã cũng đã có nhiều cố gắng tập trung nguồn lực cùng với sự huy động sức dân duy tu, bảo dưỡng nâng cấp hệ thống đường thôn, xã nhưng chưa thể đáp ứng được nhu cầu của xe cộ hiện đại cùng với sự gia tăng rất lớn của các phương tiện sử dụng đường bộ. Các tuyến được được nâng cấp cải tạo do điều kiện về kinh phí hạn chế mới giải quyết được hệ thống thoát nước và rải cấp phối mặt đường nên xuống cấp nhanh chóng không đảm bảo an toàn cho người và phương tiện lưu thông qua lại.

Đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông có ý nghĩa nhiều mặt, cả về kinh tế, chính trị, xã hội, góp phần gắn kết các địa phương, thu hẹp khoảng cách vùng miền, lan toả về kinh tế - xã hội. Đồng thời sẽ góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam. Trên cơ sở đó, Dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 được Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/1/2022 và được Chính phủ triển khai tại Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/2/2022.

Tổng thể toàn tuyến có 12 dự án thành phần trong đó đoạn qua xã Liên Trạch.

Loại hình dự án: Dự án đầu tư mới.

Nhóm dự án: Dự án đầu tư nhóm C.

Quy mô dự án: Khu đất xây dựng dự án thuộc địa phận thôn Tân Hội, thôn Hữu Phú, xã Liên Trạch với tổng diện tích khoảng 1,84ha.

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt báo cáo, tài liệu liên quan:

Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án là Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình.

1.3. Môi quan hệ của dự án với quy hoạch phát triển:

Dự án xây dựng Khu tái định cư khu vực thôn Tân Hội, thôn Hữu Phú, xã Liên Trạch, phục vụ công tác GPMB dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn xã Liên Trạch, phù hợp với:

Nghị quyết 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội khóa 15 về Chủ trương đầu tư dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025.

Nghị Quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2022-2025;

Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12/4/2023 của thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật thực hiện đánh giá tác động môi trường

2.1. Các văn bản pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật về môi trường làm căn cứ thực hiện ĐTM và lập báo cáo ĐTM của dự án.

2.1.1. Văn bản luật.

- Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 23/6/2014, có hiệu lực từ ngày 01/01/2015;
- Luật Đầu tư số 67/2014 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 18/06/2014;
- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2013;
- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 21/6/2012;
- Luật Thuế tài nguyên số 79/2006/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2006;

2.1.2. Các nghị định, thông tư

- Nghị định:
 - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP, ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;
 - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;
 - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/ 2015 của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
 - Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
 - Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;
 - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/04/2017 về Sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 59/NĐ-CP ngày 18/06/ 2015 của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng;
 - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;
 - Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;
 - Nghị định số 12/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016 của Chính phủ quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;
 - Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế Tài nguyên;
 - Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 33/2017/NĐ-CP ngày 03/04/2017 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản;
- Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;
- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;
- Nghị định số 38/2015/ NĐ-CP, ngày 24/04/2015 của Chính Phủ về quản lý chất thải và phế liệu;
- Nghị định 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính Phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc;
- Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28/6/2007 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;
- Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.
- Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng khe và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.
- Thông tư:
 - Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về thuế tài nguyên; Thông tư số 12/2016/TT - BTC ngày 20/01/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung khoản 1 Điều 7 Thông tư số 152/2015/TT - BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế Tài nguyên;
 - Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng về hướng dẫn lập xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
 - Thông tư số 02/2018/TT- BXD ngày 06/02/2018 của Bộ Xây dựng quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình và chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường ngành Xây dựng;
 - Thông tư 07/2019/TT-BXD ngày 07/11/2019 của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung thay thế một số điều của Thông tư số 03/2016/TT-BXD về phân cấp công trình xây dựng;
 - Thông tư số 38/2015/TT- BTNMT, ngày 30/6/2015 quy định về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;
 - Thông tư số 36/2015/TT- BTNMT, ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại;
 - Thông tư số 26/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ Y tế quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; Thông tư số 24/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ Y tế quy

- định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- Thông tư số 51/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016;
 - Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;
 - Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.
 - Quyết định:
 - Căn cứ Quyết định số: 02/QĐ-UBND ngày 03/01/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Bình V/v công bố đơn giá nhân công;
 - Căn cứ Quyết định số: 01/QĐ-UBND ngày 03/01/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Bình V/v công bố bảng giá ca máy và thiết bị thi công;
 - Căn cứ Quyết định 31/2021/QĐ-UBND ngày 13/09/2021 về việc phê cấp thẩm quyền thẩm định dự án, thiết kế, dự toán và ủy quyền kiểm tra công tác nghiệm thu các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;
 - Căn cứ công bố số: 759/CBG -SXD ngày 06/4/2023 của Sở xây dựng về việc công bố giá vật liệu xây dựng tháng 3 năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;
 - Căn cứ Quyết định 838/QĐ-UBND ngày 24/03/2023 của UBND huyện Bố Trạch về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ, phương án khảo sát, lập Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu trước khi thi công xây dựng công trình Khu tái định cư thôn Phú Hữu, thôn Tân Hội, xã Liên Trạch.
 - Căn cứ Quyết định 1085/QĐ-UBND ngày 04/04/2023 của UBND huyện Bố Trạch về việc phê duyệt chỉ định thầu Tư vấn khảo sát – thiết kế, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình Khu tái định cư thôn Phú Hữu, thôn Tân Hội, xã Liên Trạch.

2.1.3. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật về môi trường

* Các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường không khí, chiếu sáng:

- Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động;

- Quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- Quy chuẩn QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;
- Quy chuẩn 22:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng chiếu sáng - Mức cho phép chiếu sáng tại nơi làm việc;
- Quy chuẩn QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu
- Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- * Các tiêu chuẩn, quy chuẩn về tiếng ồn, độ rung:
 - Quy chuẩn QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;
 - Quy chuẩn QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị cho phép tại môi trường làm việc;
- * Các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường nước:
 - Quy chuẩn QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy định giá trị giới hạn các thông số chất lượng nước mặt;
 - Quy chuẩn QCVN 09-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy định giá trị giới hạn các thông số chất lượng nước ngầm;
 - Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
 - Quy chuẩn QCVN 02:2009/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt;
- * Các tiêu chuẩn, quy chuẩn về phòng cháy chữa cháy và cấp thoát nước:
 - TCVN 2622-1995: Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình. Yêu cầu thiết kế; TCVN 5738:2001: Hệ thống báo cháy tự động;
 - Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 33-2006: Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế;
 - TCVN 7957:2008: Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài;
 - QCVN 01:2008/BXD Quy chuẩn về quy hoạch xây dựng;
- * Các tiêu chuẩn quy chuẩn về khai thác mỏ lộ thiên và đê kè:
 - Quy chuẩn QCVN 04:2009/BCT về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên ban hành theo Thông tư số 02/2009/TT-BCT, ngày 7/7/2009 của Bộ Công thương.
 - Tiêu chuẩn TCVN 5326: 2008 - Kỹ thuật khai thác mỏ lộ thiên;

- TCVN 9902:2013 - Công trình thủy lợi yêu cầu thiết kế đê sông;
- TCVN 8419:2010 - Công trình thủy lợi: Thiết kế công trình bảo vệ bờ sông đê chống lũ.

2.2. Các tài liệu, dữ liệu có liên quan sử dụng trong quá trình lập báo cáo ĐTM

- Thuyết minh báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật dự án “Khu tái định cư khu vực thôn Tân Hội, thôn Hữu Phú, xã Liên Trạch” ;
- Hồ sơ quan trắc hiện trạng môi trường nền khu vực thực hiện dự án;
- Các bản vẽ thiết kế dự án;
- Các số liệu điều tra, khảo sát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tại khu vực dự án;
- Các số liệu đo đạc, phân tích về hiện trạng môi trường khu vực do đơn vị tư vấn thực hiện;
- Biên bản cuộc họp tham vấn dân cư khu vực bị ảnh hưởng của dự án.

3. Tổ chức thực hiện ĐTM

Báo cáo ĐTM của dự án được lập với sự tham gia phối hợp giữa Chủ dự án là Hội đồng GPMB huyện Bố Trạch.

Báo cáo ĐTM được lập theo cấu trúc tuân thủ theo hướng dẫn tại thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Quá trình thực hiện ĐTM của dự án được tiến hành theo các bước:

Bước 1: Thu thập các số liệu, tư liệu liên quan đến hoạt động của dự án;

Bước 2: Khảo sát hiện trạng điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, tài nguyên môi trường xung quanh khu vực dự án;

Bước 3: Đo đạc, quan trắc, lấy mẫu và phân tích các chỉ tiêu môi trường nhằm đánh giá hiện trạng môi trường khu vực chịu ảnh hưởng từ hoạt động sản xuất của dự án;

Bước 4: Phân tích, đánh giá các nguồn gây tác động, đối tượng, quy mô bị tác động do hoạt động của dự án đến môi trường;

Bước 5: Đưa ra các giải pháp, biện pháp giảm thiểu các tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường của dự án đã được thực thi;

Bước 6: Hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường trình thẩm định và phê duyệt theo quy định

4. Phương pháp áp dụng trong quá trình ĐTM.

- Phương pháp làm việc nhóm: Lập nhóm ĐTM, gồm cử nhân môi trường, kỹ sư môi trường, cán bộ đo đạc, kỹ sư hoá, sinh học... Mỗi thành viên của nhóm

tùy thuộc vào chuyên môn ở từng chuyên ngành để phụ trách các chuyên đề khác nhau, sau đó, nội dung chuyên đề của mỗi thành viên phụ trách sẽ được đưa ra bàn bạc, thảo luận trong nhóm trước khi đi đến ý kiến thống nhất, và cuối cùng là tổng hợp các chuyên đề lại thành một báo cáo hoàn thiện cuối cùng. Phương pháp này được sử dụng trong toàn bộ báo cáo ĐTM.

Phương pháp lập bảng liệt kê: Phân tích quá trình thực hiện Dự án. Phương pháp này được sử dụng để lập mối quan hệ giữa các hoạt động của Dự án và các tác động môi trường. Phương pháp này được sử dụng để phân tích tác động của dự án đến môi trường (Chương 3 của ĐTM).

- Phương pháp tham vấn cộng đồng: Tham vấn cộng đồng thông qua lấy ý kiến đại diện của UBND, UBMTTQVN xã Liên Trạch và người dân xã Liên Trạch. Các ý kiến thu nhận được này sẽ được phân tích, sàng lọc và đưa vào trong báo cáo. Phương pháp này được sử dụng để thực hiện phần tham vấn cộng đồng (chương 5 của ĐTM).

- Phương pháp đánh giá nhanh: Phương pháp này được sử dụng dựa trên hệ số ô nhiễm của nguồn thải được xác lập bởi các tổ chức, viện nghiên cứu khi đánh giá tải lượng ô nhiễm nước, khí thải, bụi,... của các hoạt động dự án để dự báo mức độ tác động đến môi trường xung quanh (Chương 3 của ĐTM).

- Phương pháp so sánh: Tính toán nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải, khí thải và so sánh với các chỉ tiêu trong Tiêu chuẩn, Quy chuẩn môi trường Việt Nam. Phương pháp này dùng để đánh giá chất lượng hiện trạng môi trường tại khu vực dự án (Chương 2 của ĐTM).

- Phương pháp dự báo: Dựa trên số liệu nền, nội dung Dự án để dự báo nguồn phát sinh, tải lượng, nồng độ và mức độ tác động do quá trình thực hiện Dự án đến các yếu tố tài nguyên, môi trường, kinh tế - xã hội (Chương 3 của ĐTM).

- Phương pháp khảo sát: Quan sát, đánh giá hiện trường (kết hợp với sự hướng dẫn của cán bộ thông thạo địa hình). Phương pháp này được dùng để thu thập thông tin phục vụ cho viết báo cáo (Chương 2 và 3 của ĐTM).

- Phương pháp đo đạc: Đo đạc các chỉ số môi trường bằng các thiết bị đo đạc có độ chính xác cao như:

+ Máy phân tích nước nhãn hiệu AAS - novAA 400P và DREL/5000;

+ Máy đo độ ồn: QUEST;

+ Máy đo khí độc: Multicheck 2000;

+ Máy đo bụi: EPAM 5000.

Phương pháp này được sử dụng để phân tích mẫu hiện trạng môi trường dự án (Chương 2 của ĐTM)

- Phương pháp thu thập thông tin: Sưu tầm các nguồn tài liệu liên quan phục vụ quá trình ĐTM; thu thập các số liệu về điều kiện kinh tế - xã hội và khí tượng thủy văn khu vực; tham khảo các tài liệu ĐTM. Phương pháp này được áp dụng để thu thập số liệu cho toàn bộ báo cáo ĐTM.

- Phương pháp viết báo cáo: Báo cáo ĐTM được lập với các nội dung trình bày dựa trên khung được quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường. Phương pháp này áp dụng cho toàn bộ các chương của báo cáo.

THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1. Thông tin về dự án:

1.1. Tên dự án:

Khu tái định cư thôn Phú Hữu, thôn Tân Hội, xã Liên Trạch, huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình.

1.2. Chủ dự án:

- Hội đồng Giải phóng Mặt bằng huyện Bố Trạch.
- Địa chỉ: 332 Hùng Vương, thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.
- Đại diện: Ông Nguyễn Hoài Nam; Chức vụ: Phó Chủ tịch
- Điện thoại: 02323611187

1.3. Vị trí địa lý của dự án:

Khu đất thực hiện dự án có diện tích khoảng 1,84ha thuộc địa phận thôn Tân Hội, thôn Hữu Phú, xã Liên Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Ranh giới được xác định như sau:

a. Khu vực 1: Thôn Tân Hội

- Phía Bắc giáp đất trồng lúa
- Phía Nam giáp đường giao thông hiện trạng
- Phía Đông giáp đất đường giao thông hiện trạng
- Phía Tây giáp đất trồng lúa và đường giao thông hiện trạng

Điểm	X	Y
1	1954497.22	538695.47
2	1954492.21	538627.41
3	1954483.76	538604.09
4	1954477.86	538600.19
5	1954464.86	538602.65
6	1954518.10	538749.90
7	1954497.22	538756.85
8	1954490.82	538753.85
9	1954431.31	538589.28
10	1954456.70	538580.08
11	1954462.33	538595.60
12	1954485.85	538591.17

Tọa độ khu vực 1: Thôn Tân Hội

b. Khu vực 2: Thôn Phú Hữu

- Phía Bắc giáp đường giao thông hiện trạng
- Phía Nam giáp đất trồng lúa

- Phía Đông giáp đất trồng lúa
- Phía Tây giáp đường giao thông hiện trạng

Điểm	X	Y
13	1954161.40	539311.27
14	1954084.89	539354.74
15	1954018.37	539237.68
16	1954011.29	539235.25
17	1954007.00	539225.11
18	1954073.69	539197.32
19	1954075.84	539191.05
20	1954067.03	539175.55
21	1954080.07	539168.13

Tọa độ khu vực 2: Thôn Phú Hữu



Vị trí tổng thể của khu vực dự án

1.4. Hiện trạng khu dân cư và các đối tượng dễ bị tổn thương trong quá trình hoạt động của dự án.

- Dân cư:

Khu vực xây dựng dự án tập trung các nhà dân ở phía Bắc và phía Đông gần ranh giới dự án

Khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có thu hồi và chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước với diện tích khoảng 0,25 ha;- Hiện trạng giao thông:

+ Đường bộ: Các tuyến đường liên thôn, liên xã: Là các tuyến đường kết nối trực tiếp giữa dự án và tuyến đường DT2B, Nền đường rộng từ 3-5m, mặt đường BTXM.

Đường DT2B: Nằm ở phía Nam dự án, là tuyến đường nối Quốc Lộ 1 với đường Hồ Chí Minh nhánh Đông và tỉnh lộ ĐT561. Chiều dài khoảng hơn 15km, nền đường có chiều rộng 9m, mặt đường láng nhựa.

Ngoài ra, trong khu vực dự án hiện có các tuyến đường đất nhỏ phục vụ cho việc đi lại, canh tác của người dân trên địa bàn.

* Với hiện trạng các khu vực xung quanh mô như trên thì chúng tôi có thể rút ra các nhận xét như sau:

2. Các hạng mục công trình của dự án

2.1. Các hạng mục công trình chính của dự án:

- San đắp mặt bằng các lô đất theo quy hoạch.
- Xây dựng, cải tạo mới 03 tuyến đường.
- Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt.
- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa.
- Xây dựng hệ thống thoát nước thải.
- Xây dựng hệ thống cấp điện sinh hoạt, điện chiếu sáng.

2.2. Các công trình phụ trợ của dự án:

- Bãi tập kết vật liệu; máy móc, cơ giới.
- Khu vực lán trại.

2.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

a. Môi trường không khí :

- Phun nước làm ẩm để tránh phát tán bụi, giải pháp kỹ thuật được đề xuất bao gồm:

+ Phun nước với tần suất tối thiểu 02 lần/ngày vào những ngày không mưa,

trong những ngày nắng nóng hoặc hanh khô phun nước ít nhất 04 lần/ngày bằng xe bồn tưới nước chuyên dụng;

+ Sẽ sử dụng vòi phun tiêu chuẩn thay thế vòi phun thông thường để bề mặt tưới được làm ẩm đều và tránh tạo ra tình trạng lầy lội.

- Dựng vách tole che chắn khu quy hoạch với chiều cao vách tole 3m để tránh phát tán bụi, giảm ồn đến các đối tượng xung quanh.

b. Môi trường nước

- Nước thải sinh hoạt:

+ Hàm cầu tự hoại: 2 ngăn, có tổng thể tích tối thiểu khoảng 9m³ (DxRx C = 2,5m x 2 m x 1,8m), được xây bằng gạch, vữa xi măng chắc chắn, ở ngăn lắng và ngăn lọc có xử lý chống thấm.

+ Nước thải xám thu gom về xử lý tại bể lắng lọc 02 ngăn, bể lắng lọc có tổng thể tích 6 m³ (DxRx C = 3m x 2m x 1m), được xây bằng gạch, vữa xi măng

chắc chắn.

+ Bố trí nhà vệ sinh lưu động đặt tại lán trạn của công nhân, số lượng 02 cái;

- Nước mưa chảy tràn:

+ Hồ lắng: Bố trí đào hồ lắng có kích thước 10 x 3 m sâu 2,0 m. Khối lượng đào 60 m³ để thu gom nước mặt chảy tràn tại mặt bằng bãi vật liệu.

+ Rãnh nước: bao gồm rãnh thu gom và rãnh thoát nước có tiết diện hình thang kích thước 0,6 x 0,4 m sâu 0,5m, tổng chiều dài khoảng 50m. Khối lượng đào khoảng 12,5m³.

c. Chất thải rắn

- Đối với rác thải sinh hoạt:

+ Bố trí 02 thùng chứa loại 50L, có nắp đậy kín tại khu vực khu vực lán trại để thu gom rác thải sinh hoạt.

+ Nhà thầu xây dựng bố trí 01 bộ phận công nhân phụ trách thu gom các loại rác thải sinh hoạt. Chủ dự án yêu cầu nhà thầu ký hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý rác thải mỗi ngày theo đúng quy định.

- Đối với chất thải xây dựng:

+ Toàn bộ các loại chất thải rắn xây dựng sẽ được thu gom vào các vị trí đã quy định sẵn trên công trường.

+ Hạn chế tối đa phế thải phát sinh trong thi công bằng việc tính toán hợp lý vật liệu, giáo dục nhắc nhở công nhân ý thức sử dụng tiết kiệm vật liệu một cách phù hợp.

+ Các phế liệu và các chất trợ, không độc hại như đất cát dư có thể tận dụng cho việc san lấp mặt bằng. Các phế liệu có thể tái sử dụng như bao bì xi măng, chai lọ, các mẫu sắt thép dư... được thu gom, phân loại tập trung và bán cho người thu mua.

d. Chất thải nguy hại

- Tại khu vực phụ trợ:

+ Đối với các thiết bị tham gia thi công: cần sử dụng các máy móc, phương tiện còn mới và đảm bảo chất lượng, cần bảo dưỡng các máy móc và phương tiện thường xuyên ít nhất 2 tháng 1 lần để tránh tình trạng phương tiện không đủ chất lượng gây rò rỉ dầu, nhớt...Việc bảo trì, bảo dưỡng phương tiện được thực hiện tại garage, không thực hiện tại công trường để hạn chế tối đa việc phát sinh dầu nhớt tại công trường.

+ Thu gom và lưu trữ đúng quy cách: Toàn bộ dầu thải, chất thải chứa dầu và các chất thải nguy hại khác từ khu vực trạm sửa chữa phương tiện thi công có phát sinh công trường sẽ được thu gom vào các phuy/thùng

riêng biệt (loại cho dầu thải và loại cho các chất thải nguy hại khác).

+ Đăng ký, vận chuyển và xử lý: Chất thải nguy hại sẽ được thu gom và xử lý theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường. Theo đó, CTNH sẽ được thu gom và vận chuyển từ công trường thi công đến nơi xử lý theo hợp đồng ký kết giữa Chủ đầu tư và những tổ chức được cấp phép hành nghề vận chuyển CTNH theo quy định.

e. Công trình phòng ngừa ứng phó với sự cố môi trường

– Trong lao động: Các quy định về ATLĐ phải được áp dụng một cách nghiêm ngặt.

– Các tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật phải được kèm theo, các thông số kỹ thuật phải được kiểm tra thường kỳ.

– Các công nhân trực tiếp thi công, vận hành máy móc và thiết bị cần phải được đào tạo thực hành theo nguyên tắc đúng đắn, vận hành đúng nguyên lý thiết bị, kiểm tra và bảo trì định kỳ. Phải được hướng dẫn thực hành ứng phó với các sự cố theo nguyên tắc an toàn khi có sự cố. Các thiết bị an toàn phải được chuẩn bị sẵn sàng để ứng phó kịp thời những sự cố xảy ra.

2.4. Quy mô xây dựng và giải pháp thiết kế:

2.4.1. Quy mô xây dựng:

Phạm vi thiết kế công trình: Đầu tư xây dựng công trình với các hạng mục phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt.

- San nền khu vực: $S=10.404,13m^2$. Trong đó:

Thôn Tân Hội: $S = 4.620,54m^2$

Thôn Phú Hữu: $S = 5.783,59m^2$

- Hệ thống đường giao thông: Tổng chiều dài các tuyến đường mặt cắt ngang theo quy hoạch có tổng chiều dài $L=810,64m$. Kết cấu mặt đường BTXM M300# dày 18cm. Trong đó:

* Thôn Tân Hội:

+ Tuyến số 1: $L_1= 202,95m$;

+ Tuyến số 2: $L_2= 66,61m$;

+ Tuyến số 3: $L_3= 41,48m$;

+ Tuyến số 4: $L_4= 33,11m$;

* Thôn Phú Hữu:

+ Tuyến số 5: $L_5= 168,02m$;

+ Tuyến số 6: $L_6= 38,13m$;

+ Tuyến số 7: L7= 96,34m;

+ Tuyến số 8: L8= 92,50m;

+ Tuyến số 9: L9= 71,50m;

- Hệ thống điện:

- Đường dây hạ áp 0,4kV: Tổng chiều dài tuyến đường dây 1,519 Km.

Trong đó:

+ Đường dây 0,4kV xây dựng mới: 1,185 Km

+ Đường dây 0,4kV cải tạo: 0,334 Km

- Hệ thống điện chiếu sáng:

+ Tổng chiều dài tuyến đường dây chiếu sáng: 0,591Km

Tổng công suất đăng ký sử dụng: 25 kW

Điểm đầu nối:

- Đầu nối tại tủ hạ thế TBA Tân Tiến thuộc XT 477 BTR

- Đầu nối tại tủ hạ thế TBA Phú Hữu thuộc XT 477 BTR

- Hệ thống thoát nước dọc, ngang mặt đường: Bố trí ống BTLT đúc sẵn (Kích thước D600) kết hợp hố ga thu nước mặt đường; Hệ thống bó vỉa, kết cấu bằng bê tông;

- Hệ thống bó vỉa, vỉa hè, rãnh đan: Bó vỉa đúc sẵn BTCT có tổng chiều dài L=1.687m;

- Hệ thống an toàn giao thông: Thiết kế hệ thống biển báo, sơn kẻ đường theo Quy chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT;

- Các hạng mục hạ tầng thiết yếu khác trong phạm vi dự án, bám theo Quy hoạch đã được phê duyệt.

2.4.2. Giải pháp thiết kế:

2.4.2.1. San nền S=10.404,13m²

- Tổ chức san nền các lô đất trong phạm vi dự án với diện tích 10.404,13m².

Trong đó:

Thôn Tân Hội với diện tích S1 = 4.620,54 m²

Thôn Phú Hữu với diện tích S2 = 5.783.59m²

Cao độ san nền theo quy hoạch và bằng cao độ khống chế vai đường tại các tuyến đường tương ứng, nền đất lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,85$.

2.4.2.2. Phân đường giao thông:

a. Bình đồ, trắc dọc, trắc ngang:

- Thiết kế bình đồ, trắc dọc tuân theo Quyết định 803/QĐ-UBND của UBND huyện Bồ Trạch ngày 24/03/2023 về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết

xây dựng khu tái định cư thôn Tân Hội, thôn Phú Hữu, xã Liên Trạch, tỷ lệ 1/500.

- Tổng chiều dài toàn bộ các tuyến: $L=810,64\text{m}$.

* Thôn Tân Hội có tổng chiều dài $L = 344,15\text{m}$

Tuyến số 1 (Mặt cắt 2-2) có chiều dài $L1 = 202,95\text{m}$

+ Bề rộng nền đường: $Bn = 9,5\text{m}$;

+ Bề rộng mặt đường: $Bm = 5,5\text{m}$;

+ Bề rộng lề đường: $Blề = 4,00\text{m}$;

+ Taluy nền đắp bố trí: 1/1,5;

+ Taluy nền đào bố trí: 1/1,0;

+ Độ dốc ngang mặt đường: $i=2,0\%$;

+ Độ dốc ngang lề đường: $i=1,0\%$.

Tuyến số 2 (Mặt cắt 1-1) có chiều dài $L2 = 66,61\text{m}$

+ Bề rộng nền đường: $Bn = 7,5\text{m}$;

+ Bề rộng mặt đường: $Bm = 5,5\text{m}$;

+ Bề rộng lề đường: $Blề = 2,00\text{m}$;

+ Taluy nền đắp bố trí: 1/1,5;

+ Taluy nền đào bố trí: 1/1,0;

+ Độ dốc ngang mặt đường: $i=2,0\%$;

+ Độ dốc ngang lề đường: $i=1,0\%$.

Tuyến số 3 (Mặt cắt 1-1) có chiều dài $L3 = 41,48\text{m}$

+ Bề rộng nền đường: $Bn = 7,5\text{m}$;

+ Bề rộng mặt đường: $Bm = 5,5\text{m}$;

+ Bề rộng lề đường: $Blề = 2,00\text{m}$;

+ Taluy nền đắp bố trí: 1/1,5;

+ Taluy nền đào bố trí: 1/1,0;

+ Độ dốc ngang mặt đường: $i=2,0\%$;

+ Độ dốc ngang lề đường: $i=1,0\%$.

Tuyến số 4 có chiều dài $L4 = 33,11\text{m}$

+ Bề rộng nền đường: $Bn = 5,0\text{m}$;

+ Bề rộng mặt đường: $Bm = 3,5\text{m}$;

+ Bề rộng lề đường: $Blề = 1,5\text{m}$;

+ Taluy nền đắp bố trí: 1/1,5;

+ Taluy nền đào bố trí: 1/1,0;

+ Độ dốc ngang mặt đường: $i=2,0\%$;

+ Độ dốc ngang lề đường: $i=4,0\%$.

* Thôn Phú Hữu có tổng chiều dài $L = 466,49\text{m}$

Tuyến số 5 (Mặt cắt 4-4) có chiều dài $L_5 = 168,02\text{m}$

+ Bề rộng nền đường: $B_n = 15,0\text{m}$;

+ Bề rộng mặt đường: $B_m = 7,0\text{m}$;

+ Bề rộng lề đường: $B_l = 8,0\text{m}$;

+ Taluy nền đắp bố trí: $1/1,5$;

+ Taluy nền đào bố trí: $1/1,0$;

+ Độ dốc ngang mặt đường: $i=2,0\%$;

+ Độ dốc ngang lề đường: $i=1,0\%$.

Tuyến số 6 (Mặt cắt 3-3) có chiều dài $L_6 = 38,13\text{m}$

+ Bề rộng nền đường: $B_n = 11,0\text{m}$;

+ Bề rộng mặt đường: $B_m = 7,0\text{m}$;

+ Bề rộng lề đường: $B_l = 4,0\text{m}$;

+ Taluy nền đắp bố trí: $1/1,5$;

+ Taluy nền đào bố trí: $1/1,0$;

+ Độ dốc ngang mặt đường: $i=2,0\%$;

+ Độ dốc ngang lề đường: $i=1,0\%$.

Tuyến số 7 (Mặt cắt 3-3) có chiều dài $L_7 = 96,34\text{m}$

+ Bề rộng nền đường: $B_n = 11,0\text{m}$;

+ Bề rộng mặt đường: $B_m = 7,0\text{m}$;

+ Bề rộng lề đường: $B_l = 4,0\text{m}$;

+ Taluy nền đắp bố trí: $1/1,5$;

+ Taluy nền đào bố trí: $1/1,0$;

+ Độ dốc ngang mặt đường: $i=2,0\%$;

+ Độ dốc ngang lề đường: $i=1,0\%$.

Tuyến số 8 (Mặt cắt 3-3) có chiều dài $L_8 = 92,50\text{m}$

+ Bề rộng nền đường: $B_n = 11,0\text{m}$;

+ Bề rộng mặt đường: $B_m = 7,0\text{m}$;

+ Bề rộng lề đường: $B_l = 4,0\text{m}$;

+ Taluy nền đắp bố trí: $1/1,5$;

+ Taluy nền đào bố trí: $1/1,0$;

+ Độ dốc ngang mặt đường: $i=2,0\%$;

+ Độ dốc ngang lề đường: $i=1,0\%$.

Tuyến số 9 (Mặt cắt 1-1) có chiều dài $L_9 = 71,50\text{m}$

- + Bề rộng nền đường: $B_n = 7,5\text{m}$;
- + Bề rộng mặt đường: $B_m = 5,5\text{m}$;
- + Bề rộng lề đường: $B_l = 2,0\text{m}$;
- + Taluy nền đắp bố trí: 1/1,5;
- + Taluy nền đào bố trí: 1/1,0;
- + Độ dốc ngang mặt đường: $i=2,0\%$;
- + Độ dốc ngang lề đường: $i=1,0\%$.

- Kết cấu bó vỉa: Bó vỉa bằng bê tông M250# đá 1x2 dạng vát xiên lắp ghép, trên lớp móng bê tông M200# đá 1x2 đổ tại chỗ rộng 55cm trên một lớp bạt. Vỉa hè đắp đất cấp phối lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,95$, dày 30cm. Tuyến số 4 không đầu tư hệ thống bó vỉa trên tuyến.

* Kết cấu áo đường tuyến thiết kế :

- Mặt đường BTXM M300# dày 18cm
- Lót 01 lớp bạt
- Cấp phối đá dăm loại II dày 15 cm
- Nền đường, lề đường: Đắp đất cấp phối lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,95$; riêng 50cm dưới lớp kết cấu áo đường đắp đất cấp phối lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,98$.

2.4.2.3. Hệ thống thoát nước:

Phần thoát nước:

- Hệ thống thoát nước dọc được thiết kế với tần suất thiết kế $P = 20\%$
- Chiều dài hệ thống cống thoát nước dọc : $L = 464,0\text{m}$; Trong đó chiều dài thoát nước dọc thôn Tân Hội $L_1 = 168\text{m}$; thôn Phú Hữu có chiều dài $L_2 = 296\text{m}$
- Hệ thống thoát nước ngang $L = 115,50\text{m}$ ống cống D60cm dưới lòng đường (cấp tải trọng H30); Trong đó hệ thống thoát nước ngang thôn Tân Hội $L_1 = 38,5\text{m}$; thôn Phú Hữu có chiều dài $L_2 = 77,0\text{m}$.

Kết cấu:

- Gối đỡ cống làm bằng BTCT M200# đá 1x2 đúc sẵn cho hệ thống cống dọc, khoảng 2,5m/cái; đối với các cống ngang đường , móng cống được đổ tại chỗ bằng bê tông M150# đá 2x4.
- Hố ga bố trí cách bình quân 30m/hố, kết cấu hố ga bằng bê tông cốt thép đúc sẵn M250# đá 1x2 lắp ghép trên lớp đá dăm đệm dày 10cm. Nắp đậy hố ga loại đế âm bằng gang, lưới chắn rác bằng vật liệu Composite tải trọng 40 tấn.

* Hệ thống thoát nước ngang địa hình trên tuyến: Để đảm bảo cho quá trình thoát nước của các tuyến đường, trên các tuyến thiết kế cống thoát nước trên tuyến số 5 thôn Phú Hữu như sau:

- Thiết kế 01 cống hộp KT (75x75)cm tại tuyến số 5 tại các lý trình Km0+14,03.

- Kết cấu cống hộp định hình: Toàn bộ móng cống, tường cống kết cấu là BTXM M150 đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10cm, ống cống bằng BTCT đúc sẵn M200, các đầu ống cống được liên kết với nhau bằng mối vãi và xảm đay tấm nhựa đường.

2.4.2.4. Hạng mục thoát nước thải:

- Tuyến thoát nước chính được định hướng dọc theo trục đường chính phía Đông khu vực dự án và được đấu nối tạm thời vào hệ thống thoát nước mưa của dự án.

- Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân sẽ được dẫn vào các hố ga trên các tuyến ống D250 ở hành lang kỹ thuật rộng 2m giữa các lô đất ra hố ga nước mưa.

- Bố trí các hố ga với khoảng cách giữa các hố là 20m. Tỷ lệ thu gom nước thải sinh hoạt đạt 80% tiêu chuẩn cấp nước đô thị.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.

3.1. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường trong giai triển khai xây dựng dự án

1. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đối với nước thải

a. Giảm thiểu ô nhiễm nước thải trong sinh hoạt:

Dự án dự kiến sử dụng khoảng 20 công nhân lao động làm việc trên công trường. Theo tính toán tại chương 1, tổng lượng nước cấp cho công nhân sử dụng là 2m³/ngày. Lấy định mức nước thải bằng 100% nước cấp, vậy nước thải của công nhân thi công tại công trường là 2m³/ngày.

+ Loại nước thải này có chứa các chất cặn bã, chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, dinh dưỡng và vi trùng cao. Nếu không xử lý thì khi thời tiết khu vực có mưa, nguồn thải này có thể bị cuốn theo nước mưa chảy tràn trở thành nguồn gây ô nhiễm môi trường đất, chất lượng nước mặt, nước dưới đất tại khu vực.

b. Đối với nước thải xây dựng

Nước thải từ quá trình trộn và rửa thiết bị trộn bê tông, thiết bị thi công xây dựng, làm mát thiết bị... Tuy nhiên, tải lượng nguồn thải này là không lớn, ít có khả năng tạo thành dòng chảy bề mặt và không chứa các chất độc hại nên tác động từ nguồn thải này là không đáng kể.

c. Giảm thiểu ô nhiễm từ nước mưa chảy tràn

Nước mưa chảy tràn cuốn trôi các chất bẩn bề mặt gây ô nhiễm khu vực, có thể gây xói lở, trôi bùn đất gây bồi lắng các mương thủy lợi, mương thoát nước gần khu vực dự án. Do đó, trong quá trình san lấp mặt bằng cũng như thi công xây dựng, nếu Chủ đầu tư không có giải pháp giảm thiểu tốt khi mưa lớn

thì sẽ gây bồi lấp, tắc nghẽn hệ thống thoát nước, cản trở quá trình thi công. Ngoài ra, nước mưa còn cuốn theo đất đá, cát, xi măng và chất ô nhiễm khác từ mặt đất làm ô nhiễm nguồn nước dưới đất và nước mặt khu vực Dự án. Tuy nhiên, nguồn gây tác động này chỉ xảy ra khi xuất hiện các trận mưa có cường độ mưa lớn, kéo dài. Đối với những cơn mưa nhỏ thì nguồn gây tác động này đến môi trường nước mặt tại khu vực không đáng kể.

2. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn

a. Thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

- Trong quá trình thi công xây dựng chủ dự án phối hợp với đơn vị thi công thu gom lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên khu vực thi công. Có nội quy về trật tự, vệ sinh môi trường và yêu cầu các nhà thầu tuân thủ thực hiện đúng.

- Bố trí khu vực lưu giữ chất thải sinh hoạt tại vị trí nhất định trong khu vực thi công, thuận tiện cho việc vận chuyển. Tại vị trí này sẽ đặt 02 thùng rác 50L có nắp đậy kín đảm bảo vệ sinh môi trường và cảnh quan khu vực.

- Bố trí thùng 50 lít đựng chất thải sinh hoạt trên các thuyền khai thác.

- Chất thải rắn sinh hoạt trong giai đoạn thi công sẽ được thu gom và ký hợp đồng vận chuyển với đơn vị có đủ năng lực pháp lý theo quy định.

b. Thu gom và xử lý chất thải rắn xây dựng:

- Đối với các dạng sắt thép loại, vỏ bao xi măng... được thu gom và bán cho các đơn vị thu mua tái chế.

- Đối với các dạng gạch, đá, vữa thải loại... sử dụng vào việc đắp nền mương thoát nước.

- Các loại không tận dụng được như bao bì rách nát có thể thu gom và xử lý chung theo phương thức xử lý rác thải sinh hoạt.

- Chất thải xây dựng được thu gom, dọn dẹp hoàn toàn sau khi thi công xong bất kỳ hạng mục nào của dự án để trả lại hiện trạng ban đầu của khu vực, tránh vứt bừa bãi, lãng phí, gây mất mỹ quan.

- Đối với chất thải là đất đá rơi vãi trên các tuyến đường vận chuyển qua khu vực dân: Chủ đầu tư phối hợp đơn vị thi công cất cử người dọn vệ sinh trên đoạn đường quanh khu vực dự án.

- Tuyệt đối không để chất thải rắn bên ngoài khu vực dự án, vừa chiếm dụng đất, gây ô nhiễm môi trường, mất mỹ quan khu vực.

3. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đối với chất thải nguy hại

- Dầu mỡ thải: được lưu trữ trong các thùng chứa, tránh rò rỉ. - Lượng CTNH phát sinh được tập trung vào các thùng chứa có nắp đậy, có dán nhãn nhận về để vào khu vực lán trại hoặc kho vật tư.

- Hạn chế sửa chữa máy móc, thiết bị tại công trường, chỉ sửa chữa những chi tiết nhỏ. Tuy nhiên, khi có sự cố hỏng hóc máy móc, thiết bị và phương tiện thi công mà cần sửa chữa tại công trường phải bố trí vật lót đáy (bạt hoặc tôn) để không cho dầu mỡ rơi vãi xuống nền đất và thu gom vào thùng chứa có nắp đậy rồi đưa về các cơ sở sửa chữa để đưa đi xử lý theo quy định về xử lý CTNH.

- Đại diện Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu thi công phải cam kết thu gom và xử lý chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đối với bụi, khí thải

a. Kiểm soát phát thải của các máy móc, phương tiện tham gia thi công:

- Sử dụng phương tiện, máy móc thi công đảm bảo tiêu chuẩn khí thải: Các phương tiện tham gia thi công sẽ được kiểm tra sự phát thải khí theo TCVN 6438:2005. Tất cả thiết bị sử dụng cho xây dựng phục vụ cho dự án này sẽ được Đăng kiểm Việt Nam cho phép về sự phát thải theo Quyết định 49/2011/QĐ-TTg, ngày 01/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

- Bảo dưỡng định kỳ: Bảo dưỡng phương tiện và máy móc thi công định kỳ để giảm ô nhiễm không khí phát sinh.

b. Giảm thiểu ô nhiễm bụi phát sinh từ phương tiện vận chuyển:

+ Sử dụng phương tiện vận chuyển được đăng kiểm định kỳ nhằm đảm bảo tiêu chuẩn khí thải phát sinh ít;

+ Không chuyên chở vật liệu vượt trọng tải quy định; vật liệu chuyên chở trên xe sẽ được che chắn để tránh phát tán bụi;

+ Làm ẩm vật liệu để tăng cường hiệu quả giảm bụi. Sử dụng các xe có nắp hoặc che bạt để vận chuyển vật liệu, tránh các loại vật liệu như cát, sỏi rơi vãi, phát tán ra môi trường trong quá trình vận chuyển.

- Kiểm soát và quản lý môi trường nơi phương tiện ra vào khu vực thi công: Tại khu vực xây dựng sẽ quy định giờ vận chuyển vật liệu vào nhà máy tránh giờ cao điểm công nhân đi làm hoặc tan tầm, quy định vị trí tập kết vật liệu để bốc dỡ phục vụ cho thi công.

- Làm ẩm khu vực bãi thi công và trên tuyến đường khu vực thi công: Phun nước làm ẩm để tránh phát tán bụi. Tần suất phun nước tối thiểu là 2 lần/ngày vào những ngày không mưa và 04 lần/ngày vào những ngày nắng nóng hoặc hanh khô.

- Dùng vòi phun tiêu chuẩn: Sử dụng vòi phun tiêu chuẩn để làm ẩm bề mặt nơi có thể phát sinh bụi nhưng không tạo ra lầy lội ở khu vực xung quanh

- Sử dụng xe trên thùng có đặt téc chứa nước để phun tưới ẩm những đoạn đường thuộc phạm vi vận chuyển của dự án (áp dụng phun ẩm vào những thời điểm có nắng nóng, khô hanh) để giảm thiểu bụi phát tán ra môi trường.

c. Giảm thiểu ô nhiễm bụi tại khu vực thi công:

- Tổ chức thi công hợp lý: Thi công dứt điểm từng công đoạn, từng hạng mục công trình. Thực hiện tốt công tác quản lý và giám sát thi công trên khu vực thi công.

- Áp dụng công nghệ tiên tiến: Áp dụng các biện pháp thi công hiện đại, cơ giới hoá trong vận hành và tối ưu hoá quá trình thi công.

3.3.1. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

1. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đối với nước thải

Để bảo vệ môi trường nước khỏi những tác động trong suốt quá trình khai thác dự án, biện pháp khống chế và thu gom chất thải được thực hiện như sau:

a. Xử lý ô nhiễm nước thải sinh hoạt:

- Yêu cầu các hộ dân xây dựng hệ thống bể tự hoại để xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt.

- Bố trí module xử lý nước thải sinh hoạt để xử lý nước thải đạt quy chuẩn trước khi xả vào hệ thống thoát nước của dự án và thoát ra hướng thoát nước chung của khu vực.

b. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn:

- Thiết kế hệ thống thoát nước mưa bằng ống cống BTCT ly tâm có đường kính từ D600 bố trí dọc theo vỉa hè các tuyến đường theo quy hoạch. Toàn bộ hệ thống thoát nước khu vực dự án được thu gom và thoát ra cửa xả số 1 sau đó thoát ra bên ngoài theo hướng quy hoạch thoát nước chung của khu vực.

- Hệ thống thoát nước mưa phải đảm bảo thu gom toàn bộ nước mưa chảy tràn khu vực dự án.

- Thường xuyên kiểm tra đảm bảo khả năng tiêu thoát nước mưa tại khu vực.

2. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đối với bụi, khí thải

- Tuyên truyền người dân hạn chế sử dụng than, bếp củi trong khi nấu ăn.

- Bê tông hóa các tuyến đường để hạn chế bụi phát sinh.

- Quy định tốc độ đối với các phương tiện lưu thông ra vào khu dân cư.

- Bố trí hệ thống cây xanh, thường xuyên quét dọn làm vệ sinh các tuyến đường để hạn chế bụi.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý rác theo đúng quy định để hạn chế mùi hôi phát sinh.

3. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn

* Chất thải rắn sinh hoạt:

- Bố trí các điểm tập kết rác thải sinh hoạt phù hợp theo đúng quy định.

- Trang bị các thùng rác đặt trước nhà dân và trên các tuyến đường nội bộ, đặt các thùng rác trên đường ở các vị trí thuận lợi để thuận tiện cho người dân trong khu dân cư.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển rác thải đi xử lý đúng theo quy định.

* Chất thải nguy hại:

- Hướng dẫn cho các hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải nguy hại tại nguồn, bố trí thùng chứa CTNH riêng biệt có nắp đậy kín và thực hiện chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại đi xử lý theo đúng quy định.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

4.1. Chương trình giám sát chất lượng môi trường

a. Chất lượng không khí khu vực khai thác

- Các chỉ tiêu giám sát: NO₂, SO₂, CO, bụi, tiếng ồn, độ rung.

- Vị trí lấy mẫu: 03 mẫu không khí.

+ (K1) Tại khu vực dự án: 1 mẫu tại khu vực trung tâm dự án.

+ (K2) Mẫu không khí lấy tại khu dân cư phía Bắc dự án.

+ (K3) Mẫu không khí lấy tại khu dân cư phía Đông dự án.

- Tần suất giám sát: Khi có sự cố, hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà

nước về môi trường.

- Địa điểm lấy mẫu: Thôn Tân Hội, thôn Phú Hữu, xã Liên Trạch, huyện Bố Trạch.

- Quy chuẩn áp dụng, bao gồm:

+ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

b. Giám sát chất lượng nước mặt:

- Các chỉ tiêu giám sát: pH, DO, BOD₅, COD, TSS, Nitrit (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Amoni, Photphat (tính theo P).

- Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu nước mặt.
- + (NM): Mẫu nước mặt lấy tại sông Côn phía Tây Nam dự án.
- Tần suất giám sát: Khi có sự cố, hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.
- Địa điểm lấy mẫu: Thôn Hà Môn, xã Cự Năm, huyện Bồ Trạch.
- Quy chuẩn áp dụng: Cột B1, QCVN 08 - MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt.

c. Giám sát chất thải rắn

- + Kiểm soát các nguồn phát sinh chất thải rắn: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường phát sinh.
- + Theo dõi khối lượng phát sinh các loại chất thải rắn.
- + Giám sát các biện pháp thu gom, xử lý, giảm thiểu tác động của chất thải rắn.
- + Tần suất giám sát: Trong suốt quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.
- + Quy chuẩn áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

d. Giám sát khác

- * Giám sát khối lượng khoáng sản đã khai thác và xuất bán qua camera lắp đặt tại bãi tập kết.

Giám sát trong suốt quá trình khai thác.

- * Giám sát sự cố và công tác ứng phó với sự cố khẩn cấp
 - Các chỉ tiêu giám sát: giám sát hiện tượng xói lở, sự ổn định của bờ sông và giám sát khả năng tạo hố xoáy, hàm ếch; các thiết bị phòng chống cháy nổ và các thiết bị ứng cứu sự cố khẩn cấp.
 - Địa điểm giám sát: Tại khu vực mỏ khai thác và bãi tập kết và hai bên bờ sông đoạn qua khu mỏ.
 - Tần suất giám sát: 6 tháng/lần hoặc khi có sự cố, hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

f. Đơn vị giám sát và kinh phí thực hiện:

Chủ dự án sẽ hợp đồng với Đơn vị có đủ năng lực và chuyên môn về môi trường để tiến hành giám sát môi trường tại khu mỏ theo quy định. Kinh phí giám sát được thực hiện theo các quy định của nhà nước về môi trường.

4.2. Cam kết của chủ dự án

Hội đồng GPMB huyện Bồ Trạch cam kết thực hiện nghiêm chỉnh Luật Bảo vệ môi trường, thực thi các biện pháp giảm thiểu, không chế ô nhiễm đã đề ra để đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường Việt Nam bao gồm:

- Thực hiện tất cả các biện pháp giảm thiểu tác động xấu (ô nhiễm do khí, bụi, tiếng ồn, độ rung, chất thải rắn, nước thải...), phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đã được nêu ra trong chương 3.

- Thực hiện tốt các biện pháp đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

- Cam kết hoàn thành các hạng mục bảo vệ môi trường như đã trình bày trong Báo cáo.

- Thực hiện tốt các biện pháp đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

- Cam kết thu gom, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn.

- Cam kết phối hợp với các cơ quan chuyên môn để thực hiện việc giám sát định kỳ chất lượng môi trường không khí, môi trường nước như đã đề cập trong chương 4 của báo cáo.

- Khi có sự cố môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động, Chủ dự án sẽ báo

cáo ngay với các cơ quan chức năng có thẩm quyền để giải quyết kịp thời.

- Cam kết đóng đầy đủ các loại thuế và phí môi trường theo quy định.

- Cam kết đền bù thiệt hại trong trường hợp xảy ra sự cố.

- Cam kết tuân thủ các QCVN về môi trường.